

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG**  
(Từ ngày 01 đến 31/3/ 2026)

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-40mm, có nơi cao hơn 40mm: như tại Tuyên Quang 46mm, Hà Giang 55mm, Yên Bái 68mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 74%.</p> <p>+ Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 63%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong tháng 02/2026 giảm so với tháng trước do chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La và mưa trên lưu vực, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 50%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Từ ngày 01-04/2, mực nước hạ lưu xuất hiện một đợt dao động tăng do các hồ thủy điện tăng cường phát điện phục vụ lấy nước gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026, sau đó dòng chảy biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN 13% cùng kỳ.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn 100mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao sẽ tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%.</p> <p>+ Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô cao hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 37%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình trong tháng tới có xu thế giảm so với tháng trước và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 38%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 03 sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Dự báo tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức cao hơn TBNN 15% cùng kỳ.</p>

## 1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-40mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu biến đổi chậm và có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tháng 2 tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 257% so với TBNN cùng kì. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng nước đến biến đổi chậm xu thế xuống dần; tổng lượng dòng chảy tháng 2 tại trạm Chũ ở mức thấp hơn so với cùng kì TBNN 7%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 03/2026: Dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam tiếp tục biến đổi chậm. So với TBNN cùng kỳ, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn 133%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo ở mức thấp hơn TBNN 30%.

## 1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: TLM Từ Thanh Hóa đến Nghệ An: 10-30mm, có nơi cao hơn: Đô Lương 46mm, Vinh 70mm; từ Hà Tĩnh đến Huế phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn: Hương Khê 111mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 02/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 35%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 26%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 15%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 70%. + Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 336%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn: 50-100mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 3/2026, lưu lượng dòng

chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tháng trước, các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 26%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn khoảng 11%, sông Ngân Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 28%, sông Ngân Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 58%.

+ Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 220%.

#### **1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ**

##### *a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: TLM từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: 30-60mm, có nơi cao hơn như tại Trà My 137mm; phía Nam khu vực từ 10-25mm, riêng Tuy Hòa 81mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 02, lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 14%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 43%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 12%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 40%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 40%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 96%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 73% so với TBNN.

##### *b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: TLM từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: 30-80mm, có nơi cao hơn; 80-150mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 03/2026, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 33%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 39%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao

hơn 30% so với TBNN cùng kỳ.

### **1.5. Lưu vực sông Mê Công**

#### *a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 5-20mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 2, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla cao hơn so với tháng trước; sông Krông Ana biến đổi theo xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 29%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 6%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần

#### *b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 15-30mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông ít biến đổi và giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 7%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 27%.

+ Sông Cửu Long: Dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Lượng dòng chảy trên sông Tiền tại trạm Tân Châu khả năng cao hơn TBNN 15%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn TBNN 7%.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/04/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**

*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/3/2026*

*Đơn vị: mm*

<b>Khu vực</b>	<b>Trạm</b>	<b>Thực đo 1 tháng qua (mm)</b>	<b>So sánh TBNN (%)</b>	<b>Dự báo trong 1 tháng tới (mm)</b>	<b>So sánh với TBNN (%)</b>
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	14	<58	70-120	>20-40%
	Sơn La	19	<10	40-80	>15-30%
	Hòa Bình	19	>40	30-60	>30-50%
	Lào Cai	6	<74	50-100	>20-40%
	Yên Bái	68	>106	50-100	>20-40%
	Tuyên Quang	46	>72	40-80	>20-40%
	Hà Giang	55	>49	70-120	>20-40%
	Láng	40	>96	40-80	>30-50%
	Thái Bình	11	<50	40-80	>40-80%
	Nam Định	5	<79	40-80	>30-50%
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	41	>44	40-80	>20-40%
	Thái Nguyên	31	>7	50-100	>20-40%
	Bắc Ninh	34	>45	40-80	>20-40%
	Lạng Sơn	22	<25	50-100	>30-50%
	Bắc Giang	30	>28	40-80	>20-40%
	Hải Dương	20	>7	40-80	>30-50%
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	33	>150	30-60	>15-30%
	Bái Thượng	36	>36	40-80	>20-40%
	Thanh Hóa	12	<27	40-80	>30-50%
	Quỳ Châu	31	>130	30-60	>20-40%
	Cửa Rào	29	>85	30-60	>20-40%
	Đô Lương	46	>46	40-80	>30-50%
	Vinh	70	>89	40-80	>30-50%
	Hương Sơn	69	>106	50-100	>30-50%
	Hương Khê	111	>135	50-100	>30-50%
	Hà Tĩnh	95	>75	50-100	>30-50%
	Đồng Hới	15	<55	30-60	>20-40%
	Quảng Trị	37	>5	30-60	>20-40%

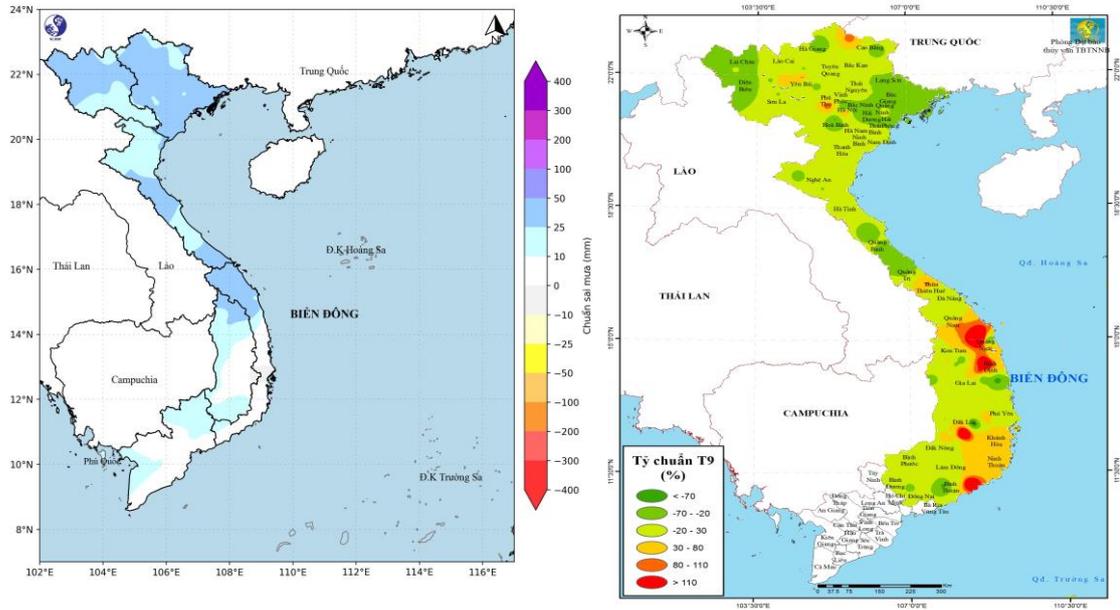
<b>Khu vực</b>	<b>Trạm</b>	<b>Thực đo 1 tháng qua (mm)</b>	<b>So sánh TBNN (%)</b>	<b>Dự báo trong 1 tháng tới (mm)</b>	<b>So sánh với TBNN (%)</b>
	Nam Đông	28	<51	50-100	>30-50%
	Huế	44	<28	50-100	>30-50%
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	25	>9	30-60	>40-70%
	Trà My	137	>63	80-150	>30-50%
	Ba Tơ	66	<6	80-150	>20-40%
	Quảng Ngãi	35	<23	40-80	>20-40%
	Quy Nhơn	37	>47	30-60	>15-25%
	An Khê	17	>59	20-40	>20-40%
	Tuy Hòa	81	>219	30-50	Xấp xỉ
Nha Trang	28	>120	30-50	Xấp xỉ	
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	7	<7	40-80	>20-40%
	Lắk	20	>786	20-40	>10-20%
	Buôn Mê Thuột	7	>79	15-30	Xấp xỉ
	Biên Hòa	14	>96	20-40	Xấp xỉ
	Cần Thơ	18	>203	15-30	Xấp xỉ

**Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính***Đơn vị: 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>*

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	128	<74	134	<73
Lô	Tuyên Quang	W	305	<63	428,5	<37
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1715	>50%	1607	>38%
Hồng	Hà Nội	W	2840	>13	2652	>15
Cầu	Gia Bảy	W	150	>257	128	>133
Lục Nam	Chũ	W	10	<7	7.3	<30
Mã	Cắm Thủy	W	445	> 35	434	> 26
Cả	Yên Thượng	W	576	> 26	528	> 11
La	Hòa Duyệt	W	139	> 15	147	> 28
Tả Trách	Thượng Nhật	W	67	> 336	40	> 220
Thu Bồn	Nông Sơn	W	421	> 14	289	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	W	360	> 43	259	> 33
Ba	Củng Sơn	W	113	<40	73	<39
Cái N,T	Đồng Trăng	W	113	>40	73	>30
ĐăkBlá	KonTum	W	72	< 29	83	< 7
Srêpôk	Giang Sơn	W	78	> 6	67	> 27
Tiền	Tân Châu	W			9404	> 15
Hậu	Châu Đốc	W			1181	< 7

## Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 31/03/2026



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa (mm) so với TBNN

Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN